TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN NAM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày: 09 - 9 - 2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thái

2. Bà Phan Thị Hải Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam *tham gia phiên toà:*

Bà Hồ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp*"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28a/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số B - B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D - chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Phạm Tấn M - Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng TMCP S - CN Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Tấn M *tham gia tố tụng:* ông Phạm Ngọc V - Chuyên viên xử lý nợ (có mặt)

Địa chỉ: Số G đường T, phường K, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: ông Phùng Minh T, sinh năm: 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) với ông Phùng Minh T đã ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 05/11/2021 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), cấp hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng; Lãi suất 2,77%/tháng, với mục đích tiêu dùng cá nhân; Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). ông Phùng Minh T phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Phùng Minh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 28.644.000 đồng.

Kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 12.586.430 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước;+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ; + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Phùng Minh T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Phùng Minh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 10/05/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 33.384.305 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 09/09/2024, ông Phùng Minh T còn nợ của Ngân hàng các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm), tổng số tiền 70.262.414 đồng *(Bằng chữ: Bảy mươi triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, bốn trăm mười bốn đồng)*, trong đó gồm: Dư nợ gốc là 33.384.305 đồng và nợ lãi quá hạn là 36.878.109 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 33.384.305 đồng với lãi suất quá hạn là 4.155%/tháng (2.77% x 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến ngày 09/9/2024 là 488 ngày. Lãi suất quá hạn được tính như sau: 33.384.305 đồng x (2.77% x 150%) x 488 ngày : 30 ngày = 36.878.109 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn

đốc, nhiều lần làm việc với ông Phùng Minh T, yêu cầu ông có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông Phùng Minh T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phùng Minh T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/09/2024 là 70.262.414 đồng (Bằng chữ: *Bảy mươi triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, bốn trăm mười bốn đồng)* trong đó: Dư nợ gốclà 33.384.305 đồng và nợ lãi quá hạn 36.878.109 đồng; phải trả khoản lãi phát sinh từ ngày 10/09/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Phùng Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Phùng Minh T trả khoản nợ đã vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự, đây là vụ án dân sự "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông T trả nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 05/11/2021 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng).

[2.1.1] Xét về nội dung và hình thức, thẩm quyền ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 05/11/2021 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) giữa Ngân hàng với ông T là hoàn toàn tự nguyện, được lập thành văn bản, có chữ ký các bên, có hình thức và nội dung phù hợp quy định tại Điều 100 và Điều 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ, buộc các bên phải thực hiện. Căn cứ hợp đồng tín dụng giữa các bên do nguyên đơn đưa ra và bị đơn không có ý kiến phản đối nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, đủ cơ sở xác định: Ông T có giao dịch và sử dụng thẻ tín dụng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 05/11/2021 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), cấp hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay tiêu dùng; Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). ông Phùng Minh T phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, tính đến ngày 09/9/2024, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 28.644.000 đồng.

[2.1.2] Về lãi suất: Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của bản Điều khoản). Mức lãi suất này được quy định cụ thể tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản của Ngân hàng. Ngân hàng đã niêm yết công khai mức lãi suất tại thời điểm cho vay đối với hình thức sử dụng thẻ tín dụng; ông T đã biết và thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng trong các lần thực hiện giao dịch rút tiền mà không có ý kiến hay khiếu nại gì.

[2.1.3] Về các loại phí liên quan đến thẻ: Các bên đã thỏa thuận về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ tại Điều 24 của Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nên ông T chịu các khoản phí này; chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Căn cứ các biểu phí đã được Ngân hàng niêm yết công khai tại thời điểm ký hợp đồng, đã được thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông T là phù hợp với quy định tại Điều

100 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, phù hợp với khoản 1 Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng của Ngân hàng N.

[2.2.4] Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng) nên ngày 10/5/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và đã chuyển toàn bộ dư nợ của thẻ tại thời điểm này là 33.384.305 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là đúng theo quy định tại Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự và phù hợp với quy định tại Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024. Tính đến ngày 09/9/2024, ông T nợ của Ngân hàng theo thẻ tín dụng này, tổng số tiền là 70.262.414 đồng (Bằng chữ: *Bảy mươi triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, bốn trăm mười bốn đồng)* trong đó: Dư nợ gốclà 33.384.305 đồng và nợ lãi quá hạn 36.878.109 đồng.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án thì ông Phùng Minh T đã bỏ đi khỏi địa chỉ thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; địa phương không biết ông T ở đâu. Nguyên đơn xác nhận ông T không thông báo địa chỉ mới hiện nay cho nguyên đơn biết. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, được coi là bị đơn ông T cố tình dấu địa chỉ nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Bị đơn ông T vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì vậy, căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[2.4] Ngân hàng yêu cầu ông T phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 10/9/2024 trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là đúng quy định tại Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phùng Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền là 3.513.120 đồng (cách tính: 70.262.414 đồng x 5%). Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Các điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 107 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 1 Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng của Ngân hàng N; điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

1. Buộc ông Phùng Minh T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 05/11/2021 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), tổng số tiền là 70.262.414 đồng (Bằng chữ: *Bảy mươi triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, bốn trăm mười bốn đồng)* trong đó: Dư nợ gốc là 33.384.305 đồng và nợ lãi quá hạn 36.878.109 đồng.

Kể từ ngày 10/9/2024, ông Phùng Minh T *còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải thanh toán cho ngân hàng vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay).*

2. Về án phí:

- Ông Phùng Minh T phải chịu 3.513.120 đồng *(bằng chữ: Ba triệu, năm trăm mười ba nghìn, một trăm hai mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án này.

- H lại cho Ngân hàng TMCP S 2.825.000 đồng *(Bằng chữ: Hai triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002435 ngày 01/7/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận đã nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tống đạt được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tâm